

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**  
**06/7/2021**

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Quy định về khu công nghệ cao**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ cao.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; hoạt động của khu công nghệ cao; cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, đầu tư xây dựng, quản lý và hoạt động của khu công nghệ cao.

Nghị định này không quy định đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và khu công nghệ thông tin tập trung.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Khu công nghệ cao là một khu vực đặc biệt, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này và các pháp luật có liên quan; được quản lý bởi các chuyên gia chuyên ngành nhằm tập trung, liên kết, thúc đẩy một cách có hiệu quả hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

2. Khu công nghệ cao quốc gia là khu công nghệ cao có tầm quan trọng quốc gia, được nhà nước ưu tiên bố trí vốn ngân sách đầu tư xây dựng và phát triển đóng vai trò là hạt nhân, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội đối với các vùng kinh tế trọng điểm nói riêng và đối với quốc gia nói chung.

3. Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao là cơ quan được giao thực hiện quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

4. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao là cơ quan trực thuộc cơ quan chủ quản khu công nghệ cao, giúp cơ quan chủ quản khu công nghệ cao trực tiếp quản lý và điều hành quá trình xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; thực hiện một số chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của các khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Cơ quan quản lý khu công nghệ cao được tổ chức dưới hình thức Ban quản lý khu công nghệ cao hoặc hình thức khác theo quyết định thành lập, tại Nghị định này gọi chung là Ban quản lý khu công nghệ cao.

5. Phương án phát triển khu công nghệ cao là việc sắp xếp, phân bổ không gian phát triển khu công nghệ cao gắn với các chính sách, giải pháp quản lý, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn trong từng thời kỳ trên cơ sở định hướng thúc đẩy phát triển công nghệ cao, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả đất và các nguồn lực, tài nguyên khác. Phương án phát triển khu công nghệ cao là một nội dung của quy hoạch tỉnh, được xây dựng, tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo pháp luật quy hoạch.

6. Mở rộng khu công nghệ cao là việc điều chỉnh tăng quy mô diện tích khu công nghệ cao, trong đó khu vực mở rộng có ranh giới lân cận hoặc liền kề, có thể kết nối, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật với khu công nghệ cao đã được hình thành trước đó.

7. Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất nhà đầu tư đã sử dụng sau khi được giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên tổng diện tích đất được quy hoạch để giao, cho thuê theo quy hoạch phân khu được phê duyệt.

### **Điều 3. Mục tiêu, nhiệm vụ của khu công nghệ cao**

#### **1. Mục tiêu phát triển khu công nghệ cao:**

Mục tiêu phát triển khu công nghệ cao là thiết lập cơ sở hạ tầng thiết yếu để tập hợp và tạo điều kiện gắn kết và tăng trưởng mạnh mẽ cho các doanh nghiệp, doanh nhân, công ty khởi nghiệp và cộng đồng trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo chủ trương của Nhà nước, hướng tới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp cũng như các tổ chức khoa học và công nghệ trong khu công nghệ cao dựa trên tri thức.

#### **2. Khu công nghệ cao có các nhiệm vụ sau đây:**

a) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

b) Liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

c) Tổ chức hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm công nghệ cao từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao; quảng bá thương hiệu và hình ảnh để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và hội nhập với chuỗi giá trị toàn cầu.

d) Thu hút các nguồn lực trong nước và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động công nghệ cao.

đ) Hình thành hệ sinh thái cho đổi mới sáng tạo; tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.

## **Chương II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO; THÀNH LẬP, MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Mục 1**

### **PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Điều 4. Phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng**

1. Phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Vai trò, mục tiêu, định hướng và giải pháp về phát triển khu công nghệ cao trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng;

b) Khả năng liên kết, hợp tác phát triển giữa các khu công nghệ cao, giữa các khu công nghệ cao với khu công nghiệp, khu kinh tế trên lãnh thổ vùng; phương hướng phân bố và phát triển các khu công nghệ cao theo không gian phát triển vùng và tổ chức thực hiện;

c) Dự kiến số lượng, quy mô diện tích, loại hình ưu tiên phát triển khu công nghệ cao tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc vùng; xác định các khu công nghệ cao có vai trò dẫn dắt, có tính động lực đối với phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội của vùng.

2. Việc lập và điều chỉnh phương hướng phát triển khu công nghệ cao thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

#### **Điều 5. Phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh**

1. Phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt phù hợp với phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng và định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội trong quy hoạch quốc gia là căn cứ pháp lý để xem xét việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghệ cao.

2. Phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Sự cần thiết của việc phát triển khu công nghệ cao;
- b) Mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển khu công nghệ cao trong kỳ quy hoạch;
- c) Sự phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương;
- d) Danh mục phát triển các khu công nghệ cao theo địa bàn cấp huyện, trong đó xác định số lượng, tên, quy mô diện tích và địa điểm dự kiến của từng khu.  
Địa điểm dự kiến từng khu công nghệ cao phải đảm bảo phù hợp với các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh.
- đ) Đánh giá tổng thể khả năng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, môi trường, nguồn nhân lực, thu hút đầu tư và huy động nguồn vốn để đảm bảo thực hiện phương án phát triển khu công nghệ cao; tính đồng bộ với các nội dung khác có liên quan trong quy hoạch tỉnh;
- e) Định hướng thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao;
- g) Dự kiến tiến độ thực hiện phương án phát triển khu công nghệ cao.

4. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập khu công nghệ cao chưa có trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần đồng thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh.

## **Mục 2**

### **THÀNH LẬP, MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Điều 6. Điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Điều kiện thành lập khu công nghệ cao:

- a) Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ cao, công nghiệp công nghệ cao; phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Có quy hoạch khu nhà ở, công trình công cộng liền kề hoặc xung quanh khu công nghệ cao đảm bảo kết nối giao thông thuận lợi và đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống chuyên gia, người lao động làm việc trong khu công nghệ cao;

c) Có khả năng xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ thuận lợi đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao; cung ứng dịch vụ công nghệ cao và phù hợp để tổ chức các nhiệm vụ khác của khu công nghệ cao quy định tại Điều 3 Nghị định này;

d) Có quy mô diện tích thích hợp, phù hợp với quy mô đầu tư;

đ) Có vị trí thuận lợi về giao thông và liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao;

e) Có phương án khả thi về nguồn nhân lực và đội ngũ quản lý chuyên nghiệp;

g) Có phương án khả thi huy động nguồn vốn đầu tư cho đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu công nghệ cao;

2. Điều kiện thành lập khu công nghệ cao quốc gia:

Các khu công nghệ cao quốc gia, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm;

b) Vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ tối thiểu 70%, trong đó vốn ngân sách trung ương chiếm tỷ lệ tối thiểu 30% tổng kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung và phân khu khu công nghệ cao;

c) Có quy mô diện tích tối thiểu 1.000 ha (trừ các khu được giao đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014).

2. Điều kiện mở rộng khu công nghệ cao:

a) Có tính cấp thiết;

b) Phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao đã được cơ bản đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt;

d) Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao đạt tối thiểu 60%;

đ) Các quy định tại điểm d và điểm g khoản 1 Điều này.

## **Điều 7. Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Đề án thành lập khu công nghệ cao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết thành lập khu công nghệ cao;

- Sự phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ cao, công nghiệp công nghệ cao; sự phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Định hướng thu hút, tổ chức, quản lý đối với các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao; cung ứng dịch vụ công nghệ cao và các hoạt động khác nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của khu công nghệ cao quy định tại Điều 3 Nghị định này; *(bao gồm: mô tả phương hướng phát triển khu gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ cao; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được).*

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ và khả năng đáp ứng các định hướng hoạt động nêu trên;

- Căn cứ đề xuất lựa chọn vị trí đặt khu công nghệ cao;

- Quy mô diện tích đề xuất; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; sơ đồ, bản đồ quy hoạch thể hiện các nội dung định hướng quy hoạch;

- Tổng mức đầu tư dự kiến, phương án huy động nguồn vốn và kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng;

- Phương án phân định trách nhiệm đầu tư xây dựng khu công nghệ cao giữa Nhà nước (bằng nguồn vốn trung ương và địa phương), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan (nếu có);

- Các nội dung liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, bao gồm: Đánh giá tổng thể chung về các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường; xác định các thành phần môi trường, kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng và mức độ tác động khi thành lập khu công nghệ cao; xây dựng giải pháp bảo vệ môi trường khi khu công nghệ cao đi vào hoạt động; các nội dung khác (nếu có) theo quy định pháp luật về môi trường; đánh giá về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và vận hành khu công nghệ cao; phương án về Ban quản lý khu công nghệ cao; khả năng đảm bảo về nhân lực và đội ngũ quản lý cho khu công nghệ cao.

2. Đề án mở rộng khu công nghệ cao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc mở rộng khu công nghệ cao, bao gồm cả các dẫn chứng, tài liệu chứng minh phù hợp các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

- Báo cáo đánh giá tổng thể hoạt động khu công nghệ cao hiện hữu;

- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến mở rộng khu công nghệ cao;

- Mô tả phương hướng phát triển cho phần mở rộng và cho toàn bộ khu sau mở rộng, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ cao; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu vực dự kiến mở rộng; phương án kết nối hạ tầng với khu công nghệ cao hiện hữu; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được; sơ đồ, bản đồ quy hoạch thể hiện các định hướng quy hoạch của khu vực mở rộng và phương án kết nối với khu công nghệ cao hiện hữu;

- Dự kiến tổng mức đầu tư cho phần mở rộng và toàn bộ khu sau mở rộng, phương thức huy động nguồn vốn và kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng (nếu có); Phương án phân định trách nhiệm đầu tư xây dựng khu công nghệ cao giữa Nhà nước (bằng nguồn vốn trung ương và địa phương), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan (nếu có);

- Đánh giá về vấn đề bảo vệ môi trường, bao gồm: Tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu công nghệ cao hiện hữu; đánh giá tổng hợp và tích hợp các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường, xác định các thành phần môi trường, kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng và mức độ tác động của phần mở rộng và của toàn bộ khu công nghệ cao sau mở rộng; các giải pháp bảo vệ môi trường đối với phần mở rộng và toàn bộ khu công nghệ cao sau khi mở rộng; các nội dung khác (nếu có) theo quy định pháp luật về môi trường; đánh giá về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và vận hành phần mở rộng và toàn bộ khu sau mở rộng.

3. Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đề nghị thành lập khu công nghệ cao; Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của cơ quan chủ quản khu công nghệ cao về đề nghị mở rộng khu công nghệ cao.

4. Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gồm Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và Đề án kèm theo được lập thành 10 bộ (trong đó có ít nhất 02 bộ hồ sơ gốc), 01 bộ hồ sơ gốc trình Thủ tướng Chính phủ và 09 bộ hồ sơ nộp cho Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

### **Điều 8. Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.

2. Nội dung thẩm định thành lập khu công nghệ cao:

- Sự cần thiết thành lập khu công nghệ cao;

- Sự phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ cao, công nghiệp công nghệ cao; sự phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Định hướng đối với các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao; cung ứng dịch vụ công nghệ cao và các hoạt động khác nhằm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của khu công nghệ cao.

- Đánh giá về hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ và khả năng đáp ứng các định hướng hoạt động nêu trên.

- Sự phù hợp về đề xuất lựa chọn vị trí đặt khu công nghệ cao;

- Sự phù hợp về đề xuất quy mô diện tích; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

- Sự phù hợp tổng mức đầu tư với quy mô diện tích đề xuất và phương hướng phát triển; tính khả về nguồn vốn và kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng;

- Sự phù hợp về các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và vận hành khu; phương án về Ban quản lý khu công nghệ cao; khả năng đáp ứng về nhân lực và đội ngũ quản lý cho khu công nghệ cao.

- Tính hợp lý về vấn đề bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

### 3. Nội dung thẩm định mở rộng khu công nghệ cao:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc mở rộng khu công nghệ cao;

- Sự phù hợp về điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến mở rộng khu công nghệ cao;

- Phương hướng phát triển cho phần mở rộng và cho toàn bộ khu sau mở rộng (trong đó gồm: mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ cao; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu vực dự kiến mở rộng; phương án kết nối hạ tầng với khu công nghệ cao hiện hữu; hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được);

- Sự phù hợp của tổng mức đầu tư mở rộng; sự phù hợp lộ trình triển khai; tính khả thi về nguồn vốn;

- Sự phù hợp về các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và vận hành phần mở rộng và toàn bộ khu sau mở rộng;

- Tính hợp lý về vấn đề bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh;

### 4. Trình tự, thủ tục thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao theo quy định, Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.



Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định nêu tại Điều 7 Nghị định này, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung, sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến của các bộ, ngành, địa phương liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 2 và khoản 3 Điều này đối với thành lập và mở rộng khu công nghệ cao.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để làm rõ những vấn đề liên quan.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng liên ngành để thẩm định việc mở rộng khu công nghệ cao do mình là cơ quan chủ quản.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ đã chỉnh lý, hoàn thiện sau thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Chương III**

### **QUY HOẠCH XÂY DỰNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Điều 10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng khu công nghệ cao**

1. Đối với khu công nghệ cao do Nhà nước đầu tư xây dựng

a) Nhà nước bố trí vốn từ ngân sách để đầu tư các nhiệm vụ sau:

- Lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao;
- Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư;
- Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ;
- San lấp mặt bằng;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung và các công trình đầu mối kỹ thuật theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt. Đối với các công trình cấp điện, nước, viễn thông, các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu về cấp điện, nước, viễn thông có trách nhiệm thực hiện đầu tư.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng cháy và chữa cháy; công trình bảo đảm an toàn giao thông và an ninh trật tự của khu công nghệ cao; trung tâm hành chính - điều hành, công trình sự nghiệp của Ban quản lý khu công nghệ cao.

b) Tùy thuộc vào nguồn lực của quốc gia và từng địa phương nơi đặt khu công nghệ cao, nhà nước bố trí vốn để thực hiện toàn bộ hoặc một phần các công trình hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng hoặc khu vực chức năng trong khu công nghệ cao theo quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt.

c) Trong trường hợp ngân sách Nhà nước không thể bố trí vốn để đầu tư toàn bộ các công trình tại điểm a và b khoản này, cơ quan chủ quản khu công nghệ cao quyết định phương thức huy động nguồn vốn của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện.

2. Đối với khu công nghệ cao quốc gia, ngân sách trung ương bố trí tối thiểu 30% tổng kinh phí đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Đối với khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

a) Nhà nước bố trí vốn từ ngân sách để đầu tư lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao; Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư.

b) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm bố trí toàn bộ kinh phí để xây dựng các công trình của khu công nghệ cao theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu công nghệ cao bố trí nguồn vốn hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở ngoài hàng rào khu công nghệ cao phục vụ các hoạt động của khu công nghệ cao và người lao động làm việc trong khu công nghệ cao.

### **Điều 11. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao**

1. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao bao gồm quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng và được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

2. Quy hoạch chi tiết xây dựng được lập cho các khu vực trong khu công nghệ cao khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng cụ thể với quy mô diện tích từ 05 ha trở lên. Quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc được lập cho các khu vực trong khu công nghệ cao khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng có quy mô diện tích dưới 05 ha (dưới 02 ha đối với dự án xây dựng nhà ở chung cư).

3. Bộ Xây dựng hoặc Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp quy hoạch điều chỉnh không làm thay đổi ranh giới, tính chất, chức năng sử dụng đất và định hướng phát triển chung của khu công nghệ cao.

4. Đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích từ 500 ha trở lên và đã có quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phân khu, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, chấp thuận tổng mặt bằng và phương án kiến trúc của các dự án theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

5. Đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích dưới 500 ha và đã có quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt, Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và chấp thuận tổng mặt bằng và phương án kiến trúc của các dự án theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

6. Ban quản lý khu công nghệ cao có thể huy động và trực tiếp tiếp nhận, sử dụng các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu công nghệ cao để thực hiện công tác lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng sau khi được Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao chấp thuận.

### **Điều 12. Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư**

1. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao được thực hiện theo các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trường hợp khu công nghệ cao có quy mô thu hồi đất lớn và cần phải thực hiện giải phóng mặt bằng trong một thời gian dài, Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất bị thu hồi xây dựng khung chính sách riêng về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho khu công nghệ cao, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định để triển khai áp dụng, thực hiện.

2. Công tác tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao có thể thực hiện bằng hình thức giao đất ở hoặc nhà ở tại khu tái định cư. Đối với các khu công nghệ cao có đủ điều kiện về quỹ đất để bố trí tái định cư tại chỗ, khuyến khích thực hiện chính sách tái định cư tại chỗ cho người có đất bị thu hồi.

3. Nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao có thể tách thành dự án riêng và được lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện độc lập. Trường hợp không tách thành dự án riêng, nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được lập, thẩm định và phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt khu công nghệ cao hoặc Ban quản lý khu công nghệ cao được giao làm chủ đầu tư các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu công nghệ cao theo quyết định của Cơ quan quyết định đầu tư dự án.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu công nghệ cao theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trường hợp ngân sách Nhà nước chưa bố trí được kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thì Ban quản lý khu công nghệ cao có thể huy động các nguồn vốn khác để thực hiện, cụ thể:

a) Vay vốn từ Quỹ phát triển đất của địa phương để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng các khu tái định cư. Người được giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trong khu công nghệ cao có trách nhiệm hoàn trả số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Quỹ phát triển đất đã ứng theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Huy động nguồn vốn ứng trước của nhà đầu tư để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho diện tích đất được giao lại đất không thu tiền sử dụng đất/cho thuê. Số tiền đã ứng được khấu trừ vào tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp hoặc tính vào vốn đầu tư dự án của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Huy động nguồn vốn ứng trước chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định này để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng diện tích đất mà Nhà nước dự kiến giao/cho thuê đối với các nhà đầu tư trong khu chức năng. Số tiền đã ứng được nhà đầu tư hoàn trả lại cho Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng sau khi nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

d) Huy động nguồn vốn ứng trước chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định này để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư cho khu công nghệ cao. Số tiền đã ứng được khấu trừ vào tiền thuê đất mà chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phải nộp cho Nhà nước.

đ) Các tổ chức, cá nhân khác hoạt động trong khu công nghệ cao tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng các khu tái định cư, các công trình hạ tầng kỹ thuật chung, khu công viên, cây xanh và các công trình công cộng và tiện ích sử dụng chung khác trong khu công nghệ cao. Số tiền đã ứng được Ban quản lý khu công nghệ cao hoàn trả lại sau khi ngân sách Nhà nước bố trí vốn cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

7. Xử lý kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng trong trường hợp ngân sách Nhà nước bố trí vốn hoặc Quỹ phát triển đất ứng vốn để giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao

a) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trong khu công nghệ cao và chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định này có trách nhiệm hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

b) Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả được xác định theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ và do Ban quản lý khu công nghệ cao xác định, ban hành, thông báo.

c) Đối với khu công nghệ cao đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất trước ngày 01 tháng 07 năm 2014 và đã đi vào hoạt động, chưa hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cho toàn khu công nghệ cao nhưng đang thực hiện giao đất, cho thuê đất tại các khu vực đã được giải phóng mặt bằng:

- Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả được tính bình quân trên một đơn vị diện tích đất khu công nghệ cao và được xác định bằng tổng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chia cho tổng diện tích đất khu công nghệ cao đã được giải phóng mặt bằng theo các phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong những năm tiếp theo khi Nhà nước tiếp tục bố trí vốn để giải phóng mặt bằng, Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện rà soát, tổng hợp lại tổng số chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và tổng diện tích đất đã được bồi thường giải phóng mặt bằng theo các phương án được phê duyệt tính từ khi bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 của từng năm để cập nhật lại tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả bình quân của khu công nghệ cao, làm căn cứ để áp dụng thực hiện trong năm tiếp theo.

### **Điều 13. Chế độ quản lý, sử dụng đất đai**

1. Trong quy hoạch sử dụng đất cấp Quốc gia theo quy định của pháp luật về đất đai phải xác định diện tích đất quy hoạch các khu công nghệ cao.

2. Đất sử dụng cho khu công nghệ cao là đất chuyên dùng, bao gồm các loại đất có chế độ sử dụng khác nhau phục vụ hoạt động nghiên cứu và triển khai; ứng dụng công nghệ cao; phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao và ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao và các hoạt động thương mại, dịch vụ và hạ tầng xã hội cần thiết khác.

3. Chế độ quản lý, sử dụng đất đai đối với khu công nghệ cao do nhà nước đầu tư xây dựng

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất cho Ban quản lý khu công nghệ cao ngay sau khi quy hoạch chung xây dựng (đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích từ 500 ha trở lên) hoặc quy hoạch phân khu xây dựng (đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích dưới 500 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ban quản lý khu công nghệ cao thay mặt nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất khu công nghệ cao để xây dựng và phát triển khu công nghệ cao theo quy hoạch được duyệt và thực hiện giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư trong khu công nghệ cao theo quy định tại điểm c khoản này sau khi khu đất đã được bồi thường giải phóng mặt bằng.

c) Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định giao lại đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 54 Luật Đất đai, cho thuê đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 56 Luật Đất đai.

d) Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định này thuê đất đối với phần diện tích xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật và khu công viên, cây xanh tập trung theo quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt để đầu tư xây dựng và cho thuê hạ tầng kỹ thuật. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật chỉ được cho thuê hạ tầng sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng toàn bộ hạ tầng kỹ thuật của khu chức năng theo dự án đầu tư được duyệt.

4. Chế độ quản lý, sử dụng đất đai đối với khu công nghệ cao quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao thuê đất đối với toàn bộ diện tích khu công nghệ cao hoặc theo từng giai đoạn phát triển của khu công nghệ cao sau khi công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn thành. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao có thể lựa chọn thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần hoặc trả tiền thuê đất hàng năm.

b) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao chỉ được cho các nhà đầu tư thuê lại đất đã có hạ tầng sau khi đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật của toàn bộ khu công nghệ cao hoặc cho từng giai đoạn phát triển của khu công nghệ cao theo quy hoạch được duyệt.

#### **Điều 14. Phát triển và quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

1. Đối với khu công nghệ cao do nhà nước đầu tư xây dựng

a) Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức quản lý, khai thác, vận hành toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao, trừ các công trình quy định tại điểm c khoản này.

b) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao có thể bàn giao lại các công trình đã đầu tư cho Ban quản lý khu công nghệ cao hoặc các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu về cấp điện, nước, viễn thông để quản lý, vận hành để đảm bảo sự đồng bộ của toàn hệ thống.

c) Các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu về cấp điện, nước, viễn thông tổ chức quản lý, khai thác, vận hành và kinh doanh đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật điện, nước, viễn thông do mình đầu tư.

d) Việc quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao quy định tại điểm a khoản này được thực hiện như sau:

- Nguồn kinh phí thực hiện công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật được lấy từ nguồn thu tiền sử dụng hạ tầng của nhà đầu tư và nguồn bù đắp, hỗ trợ của Nhà nước trong giai đoạn khu công nghệ cao chưa lấp đầy và thu chưa đủ bù chi.

- Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách Nhà nước, Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm tổng hợp số thu tiền sử dụng hạ tầng và dự kiến số chi để báo cáo Bộ Tài chính hoặc Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao phân bổ và bổ sung ngân sách để tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm trả tiền sử dụng hạ tầng theo mức thu do Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định và thông báo. Tiền sử dụng hạ tầng là khoản thu nhằm bù đắp chi phí quản lý, vận hành, duy tu, không bao gồm chi phí đầu tư xây dựng.

- Ban quản lý khu công nghệ cao đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng trực thuộc để cung cấp các dịch vụ khai thác, vận hành. Khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật.

đ) Công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật khác của khu công nghệ cao không quy định tại điểm a khoản này được thực hiện như sau:

- Các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu về cấp điện, nước, viễn thông tổ chức quản lý, khai thác, vận hành và thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật điện, nước, viễn thông do mình đầu tư. Nhà đầu tư có trách nhiệm trả tiền sử dụng điện, nước, viễn thông theo thông báo của đơn vị cung cấp dịch vụ hạ tầng.

- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu chức năng trong khu công nghệ cao tổ chức quản lý, khai thác, vận hành và thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình do mình đầu tư, không bao gồm các công trình đã bàn giao theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Nhà đầu tư có trách nhiệm trả tiền sử dụng hạ tầng cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng. Tiền sử dụng hạ tầng là khoản thu nhằm bù đắp chi phí đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật và do chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng xác định, thông báo.

e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt khu công nghệ cao xem xét tiếp nhận một số công trình hạ tầng kỹ thuật cần kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của địa phương để quản lý, vận hành bằng nguồn kinh phí của địa phương.

2. Đối với khu công nghệ cao khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này

a) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm quản lý, khai thác và vận hành toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao, phối hợp với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu về cấp điện, nước, viễn thông để đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác, vận hành các công trình kỹ thuật đầu mối của khu công nghệ cao.

b) Nhà đầu tư có trách nhiệm trả tiền sử dụng hạ tầng cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng. Tiền sử dụng hạ tầng là khoản thu nhằm bù đắp chi

phí đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật và do chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng xác định, thông báo. Tiền sử dụng hạ tầng có thể được tính riêng hoặc tính chung vào tiền cho thuê lại đất đã có hạ tầng.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt khu công nghệ cao xem xét hỗ trợ Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng trong việc đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác, vận hành một số công trình hạ tầng kỹ thuật cần kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

## **Điều 15. Phát triển nhà ở và hệ thống hạ tầng xã hội**

### **1. Phát triển nhà ở**

a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển và tổ chức xây dựng công trình công cộng liền kề hoặc xung quanh khu công nghệ cao đảm bảo kết nối giao thông thuận lợi và phù hợp quy mô, tiến độ xây dựng khu công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên gia, người lao động làm việc trong khu công nghệ cao.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu nhà ở tại điểm này theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị. Trong đó, Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm xác định nhu cầu nhà ở, gồm: tỷ lệ diện tích đất dành cho nhà ở cao tầng, nhà ở thấp tầng, công trình tiện ích và dịch vụ cần thiết của khu nhà ở đảm bảo phù hợp đặc điểm, quy mô số lượng người lao động và chuyên gia làm việc tại khu công nghệ cao làm cơ sở lập quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí quỹ đất, nguồn vốn để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và thực hiện giao đất, cho thuê đất cho các doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh nhà ở để đầu tư xây dựng, kinh doanh khu nhà ở tại điểm này.

### **b. Đối tượng thuê, mua nhà ở xây dựng ngoài ranh giới khu công nghệ cao**

- Tổ chức là nhà đầu tư và cá nhân là chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao được thuê nhà ở trong thời gian hoạt động, làm việc tại khu công nghệ cao.

- Người lao động làm việc trong Ban quản lý khu công nghệ cao, chuyên gia và người lao động có hợp đồng lao động dài hạn với các nhà đầu tư tại khu công nghệ cao được ưu tiên xét mua nhà ở. Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành tiêu chí xét ưu tiên mua nhà ở đối với các đối tượng quy định tại điểm này.

c. Đối với khu công nghệ cao đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất cho Ban quản lý khu công nghệ cao trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 và tại quy hoạch chung xây dựng đã phê duyệt có khu nhà ở nằm trong ranh giới khu công nghệ cao, Ban quản lý khu công nghệ cao tiếp tục phát triển khu nhà ở nằm trong ranh giới khu công nghệ cao theo quy hoạch chung xây dựng được duyệt và tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng khu nhà ở theo quy định của pháp luật và các thẩm quyền được ủy quyền, thực hiện thuê đất đối với các doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh nhà ở.



2. Hệ thống hạ tầng xã hội phục vụ hoạt động của khu công nghệ cao bao gồm: các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, nhà ở, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, thương mại, quảng trường, công viên, cây xanh, mặt nước, công trình bảo tồn, tôn tạo giá trị văn hóa và các công trình dịch vụ xã hội khác.

3. Tùy thuộc vào vị trí, quy mô diện tích và tính chất hoạt động của từng khu công nghệ cao, có thể bố trí và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội trong phạm vi ranh giới quy hoạch khu công nghệ cao hoặc có thể sử dụng chung các hạ tầng xã hội tại các khu vực xung quanh của địa phương với điều kiện được xây dựng đồng thời với quá trình đầu tư xây dựng khu công nghệ cao.

4. Trong trường hợp các công trình hạ tầng xã hội được bố trí và xây dựng trong phạm vi ranh giới khu công nghệ cao:

a) Diện tích đất dành cho các công trình hạ tầng xã hội tối thiểu không thấp hơn 20% diện tích khu công nghệ cao.

b) Quy mô dự kiến các công trình hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao được xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao.

c) Các công trình hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao được đầu tư bằng nguồn vốn từ hoạt động đầu tư kinh doanh theo pháp luật về đầu tư. Đối với các công trình hạ tầng xã hội khó có khả năng thu hồi vốn, bao gồm công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, cây xanh và khu vui chơi giải trí sử dụng vào mục đích công cộng (trừ khu vui chơi giải trí, công viên chuyên đề có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp trên 5%) được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa theo hoặc bằng nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân.

## **Chương IV**

### **CÁC LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Điều 16. Các loại hình hoạt động trong khu công nghệ cao**

1. Các loại hình hoạt động trong khu công nghệ cao bao gồm: nghiên cứu và triển khai, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, thương mại hóa các sản phẩm công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao; đổi mới sáng tạo; cung ứng dịch vụ công nghệ cao và các dịch vụ thiết yếu khác.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc các loại hình quy định tại khoản 1 Điều này phải lập dự án đầu tư và đảm bảo các nguyên tắc và tiêu chí sau:

a) Mục tiêu hoạt động của dự án phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của khu công nghệ cao quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh tạo giá trị gia tăng cao;

c) Mức độ ô nhiễm hoặc ảnh hưởng xấu đến môi trường thấp;

d) Phù hợp với khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao;

đ) Nhà đầu tư đề xuất dự án có khả năng tài chính hoặc huy động nguồn lực hợp pháp khác để đáp ứng yêu cầu về nguồn vốn đầu tư xây dựng, duy trì, vận hành dự án; có năng lực quản lý, đảm bảo việc xây dựng, triển khai dự án theo đúng tiến độ, kế hoạch;

e) Ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e Khoản này, một số loại hình dự án phải đáp ứng các tiêu chí tương ứng đối với từng loại hình quy định tại các Điều 17, 20 Nghị định này.

g) Ưu tiên các dự án có tổng mức đầu tư cao hoặc suất vốn đầu tư (chi phí đầu tư dự án tính trên một đơn vị diện tích đất) cao;

3. Nội dung giải trình về việc đảm bảo các nguyên tắc và tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này là một nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của nhà đầu tư. Ban quản lý khu công nghệ cao chủ trì tổ chức đánh giá việc đáp ứng nguyên tắc và tiêu chí dự án đầu tư vào khu công nghệ cao trong quá trình thẩm định cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

4. Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghệ cao được Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét, cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cam kết thực hiện đúng mục tiêu, quy mô và tiến độ dự án đã được quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và việc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này tương ứng với từng loại hình dự án trong suốt thời gian hoạt động.

5. Trong quá trình thẩm định cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án, Ban quản lý khu công nghệ cao căn cứ mục tiêu, quy mô và nội dung cụ thể của dự án đầu tư, quyết định thời hạn hoạt động của dự án nhưng không vượt quá thời gian hoạt động quy định tại Luật Đầu tư.

6. Hằng năm, Ban quản lý khu công nghệ cao đánh giá việc thực hiện các cam kết, việc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này. Kết quả đánh giá là căn cứ để Ban quản lý khu công nghệ cao áp dụng các biện pháp xử lý đối với dự án đầu tư vi phạm quy định tại Điều 22 Nghị định này.

### **Điều 17. Nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao**

1. Hoạt động nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao trong khu công nghệ cao bao gồm: nghiên cứu thích nghi, làm chủ công nghệ cao được chuyển giao, công nghệ cao được nhập khẩu; giải mã công nghệ cao; nghiên cứu khai thác sáng chế, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm nhằm tạo ra công nghệ cao, công nghệ mới thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; nghiên cứu hoàn thiện, phát triển công nghệ cao ứng dụng trong sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao, cung ứng các dịch vụ công nghệ cao, chuyển giao công nghệ cao; hoạt động đào tạo nhân lực gắn với các hoạt động nêu trên.

2. Chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao

a) Ưu tiên nguồn lực từ các chương trình quốc gia về phát triển công nghệ, phát triển công nghệ cao và các nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ các dự án nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao.

b) Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm có quy mô lớn, nghiên cứu, phân tích, kiểm thử, kiểm chuẩn trong khu công nghệ cao.

c) Cung cấp dịch vụ công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, hỗ trợ điều kiện hạ tầng nghiên cứu và triển khai từ các cơ sở do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý. Ưu tiên, không thu phí dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở nghiên cứu của Nhà nước để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới.

d) Giới thiệu, mời tham gia các hoạt động của các tổ chức trung gian nhằm hỗ trợ thương mại hóa công nghệ, kết nối cung - cầu, tìm kiếm đối tác; ưu tiên quảng bá sản phẩm công nghệ của dự án trên các phương tiện thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ, sàn giao dịch công nghệ quốc gia và địa phương.

đ) Chính sách ưu đãi khác theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

3. Ngoài các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 16 Nghị định này, dự án nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao tại khu công nghệ cao còn phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Có mục tiêu, kế hoạch, lộ trình nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn; có kế hoạch chuyển giao, thương mại hóa, ứng dụng công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ cao và dịch vụ công nghệ cao.

- Công nghệ, sản phẩm của dự án nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao phù hợp với Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp công nghệ của dự án là công nghệ mới, công nghệ tiên tiến không nằm trong các danh mục nêu trên, Ban quản lý khu công nghệ cao xin ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chấp thuận nghiên cứu, phát triển công nghệ của dự án.

- Tạo ra công nghệ cao, thay thế công nghệ cao nhập khẩu, ứng dụng trong sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo ra các sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế, thay thế sản phẩm nhập khẩu.

- Hình thành cơ sở nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, hướng tới hình thành doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành các dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý chất lượng và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chí về nhân lực lao động, nhân lực thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển, tỷ lệ chi và nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 18. Đào tạo nhân lực công nghệ cao**

1. Hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao bao gồm: đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ, cung ứng nguồn nhân lực công nhân, kỹ thuật viên có trình độ tay nghề cao; xây dựng tập thể nghiên cứu mạnh, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu công nghệ cao hiện đại; kết hợp với các trường đại học, cơ sở nghiên cứu đào tạo các trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ thuộc một số chuyên ngành công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển.

2. Chính sách thúc đẩy hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao

- Các ưu đãi quy định tại Điều 24 Nghị định này.

- Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo đối với trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong khu công nghệ cao thực hiện đào tạo nhân lực trong một số chuyên ngành công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Ưu tiên, khuyến khích sinh viên, học viên tại các trường đại học, cơ sở nghiên cứu thực tập, thực hành tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ cao tại khu công nghệ cao.

- Ưu tiên, không thu phí dịch vụ đối với hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao tại các khu công nghệ cao khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở nghiên cứu của Nhà nước để thực hiện các hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao.

- Khuyến khích, hỗ trợ hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề trong việc sử dụng đội ngũ nhân lực chất lượng cao.

3. Ngoài các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 16 Nghị định này, dự án đào tạo nhân lực công nghệ cao còn phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Đào tạo đội ngũ nghiên cứu, cán bộ quản lý, kỹ thuật viên sản xuất sản phẩm công nghệ cao; thu hút các chuyên gia tình nguyện nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động công nghệ cao tại cơ sở công nghệ cao.

- Có lộ trình và kế hoạch phát triển nhân lực công nghệ cao cụ thể; tuân thủ các quy định hiện hành về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam.

- Dự án hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh; phát triển cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao đạt trình độ quốc tế.

### **Điều 19. Ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao**

1. Ươm tạo công nghệ cao là hoạt động hỗ trợ các tổ chức tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ cao từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học.

Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao là hoạt động hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có ý tưởng, kết quả nghiên cứu công nghệ cao thực hiện việc hoàn thiện công

nghệ, chế thử sản phẩm, thành lập doanh nghiệp và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao hướng theo tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao.

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao là đơn vị cung cấp các dịch vụ khoa học và công nghệ thiết yếu với trình độ tiên tiến, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, nguồn cần thiết phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

3. Chính sách thúc đẩy hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao đối với các tổ chức, cá nhân có ý tưởng, kết quả nghiên cứu công nghệ cao thực hiện việc hoàn thiện công nghệ, chế thử sản phẩm, thành lập doanh nghiệp công nghệ cao và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao.

- Các ưu đãi được quy định tại các Điều 24 Nghị định này.

- Hỗ trợ mức kinh phí tối đa cho hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ được ươm tạo hoàn thiện, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ kinh phí của các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ, từ đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, các nguồn kinh phí khác từ ngân sách Nhà nước và các quỹ đầu tư mạo hiểm.

- Ưu tiên, không thu phí, hỗ trợ dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ tiếp cận thị trường, hướng dẫn quản lý, cung cấp thông tin đầu tư, và kết nối các địa chỉ, tổ chức tài chính đầu tư phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao; ưu tiên xét chọn, hỗ trợ tối đa các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường theo quy định của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

- Giới thiệu, tạo điều kiện liên kết mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

4. Nhà nước khuyến khích các quỹ đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư; các tổ chức, cá nhân là người Việt Nam hoặc người Việt Nam liên doanh với người nước ngoài thành lập quỹ đầu tư để thực hiện đầu tư vào các hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong khu công nghệ cao.

5. Chính sách phát triển hoạt động thương mại hóa công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài tăng cường thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao trong các khu công nghệ cao; các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các nguồn huy động hợp pháp khác để thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ; được ưu tiên tham gia các dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ của Nhà nước.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá, giám định công nghệ cao; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ tư vấn kỹ thuật, đầu tư, pháp lý, tài chính, bảo hiểm, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và các dịch vụ khác nhằm thúc đẩy hoạt động công nghệ cao, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm công nghệ cao trong khu công nghệ cao.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin về công nghệ cao; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, sử dụng, trao đổi thông tin về công nghệ cao; tổ chức, tham gia chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ cao quy mô quốc gia, quốc tế.

**Điều 20. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao**

1. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 16 Nghị định này còn phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

c) Hệ thống quản lý chất lượng phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành;

d) Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương;

đ) Đáp ứng tiêu chí về nhân lực lao động, nhân lực thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển, tỷ lệ chi và nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, dây chuyền công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Dự án ứng dụng công nghệ cao ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 16 Nghị định này còn phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Công nghệ được ứng dụng trong dự án thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

c) Hệ thống quản lý chất lượng phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành;

d) Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương;

đ) Đáp ứng tiêu chí về tỷ lệ doanh thu từ sản xuất sản phẩm công nghệ cao; nhân lực lao động; nhân lực thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ; tỷ lệ chi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ; dây chuyền công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu (sau đây gọi là dự án chế xuất) được Ban quản lý khu công nghệ cao quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xác nhận bằng văn bản cho nhà đầu tư.

a) Doanh nghiệp thực hiện dự án chế xuất trong khu công nghệ cao được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào cứng, có hệ thống camera giám sát hiển thị rõ hình ảnh về hàng hóa đi vào, đi ra doanh nghiệp tại tất cả các thời điểm trong ngày, hệ thống camera được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, dữ liệu về hình ảnh camera được lưu giữ tại doanh nghiệp tối thiểu 12 tháng, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan theo quy định của pháp luật áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Ngoài các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, doanh nghiệp thực hiện dự án chế xuất trong khu công nghệ cao được áp dụng các quy định riêng đối với doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án chế xuất trong khu công nghệ cao có trách nhiệm giải trình khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan tại hồ sơ đề xuất dự án đầu tư. Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan hải quan có thẩm quyền về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước khi cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xác nhận bằng văn bản cho nhà đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư đã được Ban quản lý khu công nghệ cao quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xác nhận bằng văn bản về việc thực hiện dự án chế xuất trong khu công nghệ cao nhưng hoạt động thực tế không đúng nội dung xác nhận hoặc không đáp ứng được các điều kiện về kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại điểm a khoản này thì không được áp dụng chế độ đối với doanh nghiệp chế xuất quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu và đáp ứng điều kiện về kiểm tra, giám sát hải quan, quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan, quy định của pháp luật về thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trước ngày Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành thì được áp dụng quy định như đối với doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế kể từ ngày doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện đó.

**Điều 21. Cung ứng dịch vụ công nghệ cao và dịch vụ hỗ trợ cần thiết**

1. Dự án cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đáp ứng các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 16 Nghị định này, đồng thời dịch vụ công nghệ cao được cung ứng phải nằm trong Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Căn cứ vào quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, quy hoạch khu công nghệ cao trong từng thời kỳ, Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét, đánh giá để cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án cung ứng dịch vụ công nghệ cao và dịch vụ hỗ trợ cần thiết để đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của khu công nghệ cao quy định tại Điều 3 Nghị định này.

**Điều 22. Quản lý các hoạt động đầu tư**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư và Ban quản lý khu công nghệ cao ký “Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án”. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký “Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án”, nhà đầu tư nộp tiền ký quỹ vào tài khoản ký quỹ của Ban quản lý khu công nghệ cao mở tại ngân hàng thương mại.

2. Trước khi dự án đi vào hoạt động sau khi Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành của dự án/giai đoạn của dự án song song với thủ tục nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng, bao gồm kiểm tra về việc việc lắp đặt dây chuyên, thiết bị công nghệ của dự án, số vốn đầu tư thực tế so với số vốn đăng ký, việc đáp ứng các nguyên tắc chung và tiêu chí đối với từng loại hình dự án đã đăng ký tại hồ sơ dự án đã được Ban quản lý khu công nghệ cao quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Ban quản lý khu công nghệ cao định kỳ hằng năm hoặc đột xuất rà soát, đánh giá việc thực hiện các cam kết quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này. Việc xử lý đối với các dự án không thực hiện đúng quy định như sau:

a) Trường hợp dự án không thực hiện theo đúng các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư về một hoặc các nội dung liên quan đến mục tiêu, quy mô và tiến độ và việc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí thì không được hưởng ưu đãi về đầu tư trong thời gian không thực hiện đúng. Ban quản lý khu công nghệ cao lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vấn đề liên quan đến ưu đãi đầu tư cho dự án theo quy định.

b) Trường hợp dự án đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm các nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này, Ban quản lý khu công



nghe cao quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

c) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định ngừng toàn bộ hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án theo quy định tại điểm b khoản này, nếu nhà đầu tư không khắc phục được điều kiện ngừng hoạt động, Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định chấm dứt một phần hoạt động của dự án hoặc chấm dứt hoạt động của dự án đồng thời thu hồi Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nhà đầu tư có trách nhiệm tự thanh lý dự án theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động.

d) Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ diện tích đất đã giao/cho thuê đối với dự án bị chấm dứt hoạt động một phần hoặc chấm dứt toàn bộ theo quy định tại điểm c Khoản này. Nhà đầu tư không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất trong trường hợp bị thu hồi đất theo quy định tại khoản này và có trách nhiệm di dời toàn công trình, tài sản trên đất và bàn giao lại mặt bằng sạch cho Ban quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

Đối với trường hợp thuê lại đất của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, nhà đầu tư có trách nhiệm thanh lý hợp đồng thuê lại đất và di dời toàn công trình, tài sản trên đất để bàn giao lại mặt bằng sạch cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thanh lý hợp đồng.

## **Chương V**

### **CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Điều 23. Chính sách phát triển khu công nghệ cao**

1. Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ nhà đầu tư đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.
2. Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ phát triển công nghệ cao trong từng giai đoạn nhất định, Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng một số khu công nghệ cao.
3. Quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 33 Luật Công nghệ cao.

#### **Điều 24. Ưu đãi đầu tư đối với khu công nghệ cao**

1. Khu công nghệ cao là địa bàn ưu đãi đầu tư và thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo pháp luật về đầu tư.
2. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư; thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ cao thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư.
3. Ưu đãi về đất đai, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu - thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của dự án đầu

tư vào khu công nghệ cao thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế.

4. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt được áp dụng để khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

5. Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao được cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thương mại theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và các vấn đề liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

6. Doanh nghiệp khu công nghệ cao có đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 25. Xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, tạm trú trong khu công nghệ cao**

1. Nhà đầu tư, chuyên gia và người lao động là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và thành viên gia đình (bao gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được xem xét cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần và thời hạn phù hợp với thời gian làm việc trực tiếp tại khu công nghệ cao.

2. Thủ trưởng Ban quản lý khu công nghệ cao xét cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam đang làm việc trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư hoạt động tại khu công nghệ cao.

3. Ban quản lý khu công nghệ cao cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao theo ủy quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Thủ trưởng Ban quản lý khu công nghệ cao quyết định chấp thuận kế hoạch sử dụng người lao động nước ngoài của các doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghệ cao, quyết định cho phép nhà thầu tại khu công nghệ cao được tuyển dụng người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Nhà đầu tư, chuyên gia và người lao động làm việc trong khu công nghệ cao được sinh sống tại khu vực quy hoạch để xây dựng nhà ở. Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành quy chế quản lý và sử dụng nhà ở cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao.

6. Trường hợp cần thiết, người nước ngoài (gồm nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia) được phép tạm trú tại khu vực thực hiện dự án khi có sự chấp thuận của Ban quản lý khu công nghệ cao. Việc tạm trú của người nước ngoài phải đáp ứng điều kiện sau:

- a) Để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án;
- b) Không kèm theo gia đình và người thân;
- c) Phải tuân thủ thủ tục đăng ký và khai báo tạm trú theo quy định hiện hành về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;
- d) Nơi ở của nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia nước ngoài phải bố trí riêng biệt với khu sản xuất, văn phòng; đáp ứng các tiêu chuẩn của pháp luật về xây dựng đối với nhà ở; Nhà đầu tư có trách nhiệm đăng ký tạm trú cho người nước ngoài; cam kết đảm bảo an ninh, trật tự và không ảnh hưởng đến hoạt động của khu công nghệ cao.

### **Điều 26. Phát triển nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao**

Chính sách đối với doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở quy định tại Điều 15 Nghị định này:

- Doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở cho thuê được hưởng ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với dự án xây dựng nhà ở xã hội; được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê và không phải hoàn trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho Nhà nước. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở ứng trước kinh phí để bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được ngân sách Nhà nước bố trí hoàn trả lại;

- Doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội, tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam khi thực hiện các dự án theo các chương trình hỗ trợ của Chính phủ;

- Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ bổ sung khác để phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của khu công nghệ cao.

## **Chương VI**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Điều 27. Nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao**

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển khu công nghệ cao.

2. Ban hành, hướng dẫn, phổ biến và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về thành lập, đầu tư, xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của khu công nghệ cao.

3. Thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của khu công nghệ cao trong các lĩnh vực: quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, đất đai, môi trường, hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư, đầu tư, khoa học và công nghệ, lao động, thương mại-xuất nhập

khẩu, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban quản lý khu công nghệ cao.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hoạt động, kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành và phát triển khu công nghệ cao.

### **Điều 28. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao trong phạm vi cả nước trên cơ sở phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghệ cao theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo và ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khu công nghệ cao.

#### **2. Thủ tướng Chính phủ**

a) Chỉ đạo các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện pháp luật, chính sách về khu công nghệ cao;

b) Quyết định thành lập, mở rộng đối với khu công nghệ cao quốc gia; chấp thuận chủ trương, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, mở rộng đối với khu công nghệ cao khác;

c) Chỉ đạo xử lý và giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình quy hoạch, đầu tư, thành lập, điều hành, quản lý hoạt động của khu công nghệ cao vượt thẩm quyền của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghệ cao.

#### **3. Bộ Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao;

b) Có ý kiến đối với nội dung liên quan đến phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng, phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh làm cơ sở để cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng các văn bản pháp luật, chính sách về phát triển khu công nghệ cao trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và ban hành các văn bản pháp luật theo phạm vi thẩm quyền;

d) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban quản lý khu công nghệ cao;

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế huy động các nguồn vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao;

e) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch quốc gia về xúc tiến đầu tư vào khu công nghệ cao;

g) Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

h) Có ý kiến đối với nội dung về khoa học và công nghệ của các dự án có sử dụng công nghệ đầu tư vào khu công nghệ cao theo đề nghị của Ban quản lý khu công nghệ cao;

i) Phân cấp, hướng dẫn Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong khu công nghệ cao;

k) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của Ban quản lý khu công nghệ cao;

l) Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về khu công nghệ cao; ban hành mẫu biểu báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin về khu công nghệ cao; hướng dẫn thu thập và xây dựng chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của khu công nghệ cao;

m) Thực hiện đánh giá hoạt động của các khu công nghệ cao định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

n) Tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội của khu công nghệ cao theo chu kỳ 5 năm một lần.

#### 4. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và hành chính lãnh thổ đối với khu công nghệ cao; hướng dẫn, quy định phân cấp hoặc ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghệ cao trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền theo quy định của Nghị định này và của pháp luật liên quan. Việc phân cấp, ủy quyền được thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo sự ổn định, tạo điều kiện thực hiện cơ chế hành chính “một cửa tại chỗ”, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong khu công nghệ cao và phù hợp với năng lực, trình độ tổ chức của Ban quản lý khu công nghệ cao.

b) Đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước không phân cấp, ủy quyền theo quy định tại điểm a Khoản này, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, và xây dựng cơ chế phối hợp với Ban quản lý khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định địa bàn để giao chính quyền cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ quản lý dân sự, an ninh trật tự trong khu công nghệ cao.

d) Bộ Nội vụ phê duyệt định mức biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao trên cơ sở Đề án vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 5. Ban quản lý khu công nghệ cao

Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu công nghệ cao được quy định cụ thể tại Điều 29 Nghị định này.

## **Điều 29. Ban quản lý khu công nghệ cao**

### **1. Chức năng, địa vị pháp lý**

Ban quản lý khu công nghệ cao có cơ cấu, tổ chức và biên chế trực thuộc cơ quan chủ quản khu công nghệ cao; có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng; được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước.

- Đối với khu công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban quản lý khu công nghệ cao, giao cơ quan chủ quản khu công nghệ cao ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý khu công nghệ cao. Vị trí và chức năng của cơ quan quản lý các khu công nghệ cao được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định đã được cơ quan các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với khu công nghệ cao do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý khu công nghệ cao.

### **2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

a) Đề xuất và trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách cho khu công nghệ cao, bao gồm: cơ chế xây dựng và phát triển khu công nghệ cao trong từng thời kỳ; cơ chế huy động nguồn lực để xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhà đầu tư hoạt động tại khu công nghệ cao; cơ chế thu hút, chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại khu công nghệ cao;

b) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các kế hoạch xây dựng và phát triển khu công nghệ cao, bao gồm: kế hoạch tổng thể xây dựng và phát triển khu công nghệ cao trung hạn (05 năm) và dài hạn; kế hoạch thu hút, xúc tiến đầu tư vào khu công nghệ cao 05 năm và hàng năm; kế hoạch đầu tư công trung hạn (05 năm) và hàng năm của khu công nghệ cao; kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm của Ban quản lý khu công nghệ cao;

c) Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu công nghệ cao bằng vốn ngân sách Nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác

- Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các nguồn vốn hợp pháp khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

- Quyết định đầu tư và thực hiện các thẩm quyền của người quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao sử dụng vốn ngân sách Nhà nước

thuộc nhóm B, C theo ủy quyền của Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư ký kết thỏa thuận đầu tư và ký kết hợp đồng dự án với các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc nhóm B, C theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo ủy quyền của Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao và quy định của pháp luật;

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn vay ODA và các nguồn vốn tài trợ khác để đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao.

#### d) Quản lý quy hoạch và xây dựng

- Tổ chức thực hiện quy hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức lập quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng; thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng, cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng theo ủy quyền; tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xây dựng theo ủy quyền;

- Thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng của các nhà đầu tư tại khu công nghệ cao;

- Thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo ủy quyền.

#### đ) Quản lý đất đai

- Quyết định giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, thu hồi đất đã giao lại hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật;

- Quyết định giá đất cụ thể, hệ số điều chỉnh giá đất và tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất hằng năm sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chấp thuận đơn giá cho thuê lại đất theo đề xuất của chủ đầu tư hạ tầng; xác định và thông báo các nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất; xác định mức thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả đối với người sử dụng đất;

- Thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện cho thuê đất; quyết định miễn, giảm tiền thuê đất và xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm đối với từng dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng thuê đất với người thuê đất trong khu công nghệ cao;

#### e) Quản lý môi trường

- Thực hiện các trách nhiệm của Ban quản lý khu công nghệ cao trong công tác quản lý môi trường khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Phối hợp với các cơ quan có chức năng trong việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, giải quyết các tranh chấp về môi trường liên quan đến các hoạt động trong khu công nghệ cao.

### g) Quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Ban hành mức thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư và tiền xử lý nước thải; chấp thuận mức thu tiền sử dụng hạ tầng, tiền thu hồi chi phí san lấp mặt bằng của nhà đầu tư hạ tầng các khu chức năng (nếu có);

- Tổ chức quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao do Nhà nước đầu tư;

- Chỉ đạo đơn vị được giao khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, nhà đầu tư hạ tầng các khu chức năng (nếu có) và phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ hạ tầng (cấp điện, cấp nước, viễn thông) trong việc khai thác, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao.

### h) Quản lý hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư

- Xây dựng và trình Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao công bố Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào khu công nghệ cao trong từng thời kỳ;

- Xây dựng và duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, các khu công nghệ cao, các Hiệp hội, các khu khoa học nước ngoài; xây dựng kế hoạch hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan để thúc đẩy phát triển và quản lý, khai thác khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Huy động các nguồn lực xã hội từ tài trợ của các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và nhà đầu tư để thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư; được thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch quốc gia về xúc tiến đầu tư vào khu công nghệ cao trong từng thời kỳ.

### i) Quản lý đầu tư

Thực hiện thẩm quyền của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm:

- Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy chế lựa chọn nhà đầu tư do thủ trưởng Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành trên cơ sở lựa chọn áp dụng các điều, khoản của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh, đổi, hiệu đính, thu hồi Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Thỏa thuận bảo đảm nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư với Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Quyết định ngừng hoạt động của dự án; Quyết định chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư;



- Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC); Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Theo dõi, giám sát và đánh giá việc triển khai dự án tại khu công nghệ cao thuộc thẩm quyền; hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai dự án (nếu có);

- Các thẩm quyền khác cơ quan đăng ký đầu tư được phân cấp thực hiện tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư.

#### k) Quản lý lao động

Thực hiện quản lý lao động theo quy định của pháp luật về lao động và theo ủy quyền của các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm:

- Chấp thuận việc đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày;

- Tiếp nhận khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi về lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao;

- Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép lao động cho người nước ngoài và thu hồi Giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao;

- Xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động làm việc trong khu công nghệ cao;

- Xác nhận việc tổ chức làm thêm từ 200-300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao;

- Chấp thuận kế hoạch sử dụng lao động nước ngoài của doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghệ cao;

- Cho phép nhà thầu tại khu công nghệ cao được tuyển dụng lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam;

- Tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể của các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao;

- Tiếp nhận, xem xét nội quy lao động của các doanh nghiệp hoạt động trong Khu công nghệ cao;

- Tiếp nhận thông báo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hàng năm của các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao;

- Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo tình hình tai nạn lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao.

#### l) Quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân thực hiện dự án

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện thương mại của tổ chức và thương nhân nước ngoài tại khu công nghệ cao; chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện thương mại theo quy định của pháp luật;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo ủy quyền;

- Xét cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam đang làm việc trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư hoạt động tại khu công nghệ cao theo ủy quyền.

#### m) Quản lý khoa học và công nghệ

- Tổ chức đánh giá chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí về khoa học và công nghệ; kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện cam kết về khoa học - công nghệ của các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Tiếp nhận và triển khai thực hiện các nguồn vốn, nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao. Thúc đẩy kết nối các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, tạo nền tảng và môi trường thuận lợi thúc đẩy hệ sinh thái cho đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao;

- Hỗ trợ, tổ chức thực hiện ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tiếp nhận, quảng bá, trình diễn và chuyển giao công nghệ; đào tạo, sát hạch và cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về ươm tạo, đào tạo, sát hạch, chuyển giao công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và cung ứng nhân lực công nghệ cao.

#### n) Cung cấp các dịch vụ hành chính công

- Ban quản lý khu công nghệ cao chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dịch vụ hành chính công liên quan đến tổ chức, cá nhân hoạt động tại khu công nghệ cao trong các lĩnh vực được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý theo cơ chế "một cửa" hoặc "một cửa liên thông";

- Hồ sơ, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại điểm này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Cơ quan Thuế, Hải quan bố trí trụ sở làm việc tại khu công nghệ cao quốc gia để thực hiện thủ tục về thuế, hải quan cho các tổ chức, cá nhân đầu tư tại khu công nghệ cao theo cơ chế "một cửa", "tại chỗ".

#### o) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

- Lập biên bản đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, đầu tư, lao động tại khu công nghệ cao và chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xử lý theo quy định;

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, xây dựng, kế hoạch, đầu tư, môi trường, đất đai, lao động, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

p) Quản lý tài chính

- Dự toán ngân sách, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển hằng năm và các nguồn kinh phí khác (nếu có) của Ban quản lý khu công nghệ cao trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức quản lý tài chính, tài sản, ngân sách được giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tổ chức thu, nộp tiền thuê đất, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền xử lý nước thải, tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Tổ chức thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Sử dụng nguồn thu của Khu Công nghệ cao để tiếp tục giải phóng mặt bằng, hỗ trợ thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của khu và tái đầu tư phát triển khu công nghệ cao. Hàng năm, Ban quản lý khu công nghệ cao xây dựng phương án sử dụng các nguồn thu cụ thể, báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

q) Quản lý tổ chức, bộ máy

- Quản lý về tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng vị trí việc làm, định mức biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

r) Tổ chức các phong trào thi đua và khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu công nghệ cao.

s) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do cơ quan chủ quản khu công nghệ cao giao.

3. Cơ cấu tổ chức:

a) Ban quản lý khu công nghệ cao gồm: 01 cấp trưởng, không quá 04 cấp phó; bộ máy giúp việc. Trong đó, cấp trưởng do Thủ trưởng cơ quan chủ quản khu công nghệ cao bổ nhiệm, miễn nhiệm; cấp phó do Thủ trưởng cơ quan chủ quản khu công nghệ cao bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của cấp trưởng.

b) Cấp trưởng có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban quản lý khu công nghệ cao, chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản khu công nghệ cao và trước pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của khu công nghệ cao.

c) Cơ cấu tổ chức của cơ quan lý khu công nghệ cao bao gồm:

- Bộ máy giúp việc (Văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ) thực hiện dịch vụ hành chính công;

- Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng/Trung tâm ươm tạo và đổi mới sáng tạo; Trung tâm đào tạo và Trung tâm Nghiên cứu là các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, sản phẩm hoặc dịch vụ công ích và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đầu tư kinh doanh của các tổ chức, cá nhân đầu tư tại khu công nghệ cao.

d) Biên chế cán bộ, công chức của Ban quản lý khu công nghệ cao được bố trí phù hợp với Đề án vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đủ nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ được giao, đảm bảo nguyên tắc tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, không tăng đầu mỗi quản lý và phát sinh biên chế.

### **Điều 30. Thanh tra, xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao**

#### **1. Hình thức và phương thức hoạt động thanh tra**

a) Hoạt động thanh tra việc chấp hành pháp luật tại khu công nghệ cao được thực hiện dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

b) Việc thanh tra theo chương trình, kế hoạch được tiến hành theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, định kỳ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu giải quyết của việc khiếu nại, tố cáo hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

d) Việc thanh tra được thực hiện theo phương thức Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên độc lập và thực hiện hoạt động thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

#### **2. Thẩm quyền thanh tra, kiểm tra tại khu công nghệ cao**

- Cơ quan thanh tra chuyên ngành phối hợp với Ban quản lý khu công nghệ cao lập chương trình, kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật tại khu công nghệ cao.

- Cơ quan thanh tra chuyên ngành phối hợp với Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra theo chương trình, kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất việc chấp hành pháp luật tại khu công nghệ cao.

- Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra.

### 3. Xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao

- Ban quản lý khu công nghệ cao lập biên bản đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý tại khu công nghệ cao; chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục và thẩm quyền xử phạt thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

## **Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 31. Quy định chuyển tiếp**

1. Các khu công nghệ cao đã hoàn thành các thủ tục quy hoạch, đầu tư, thành lập theo quy định của pháp luật trước thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị định này thì không phải thực hiện thêm các thủ tục quy hoạch, đầu tư, thành lập theo quy định của Nghị định này.

2. Khu Công nghệ cao Hòa Lạc tiếp tục được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đối với các nội dung không trái với quy định tại Nghị định này.

3. Khu Công nghệ cao Đà Nẵng tiếp tục được hưởng ưu theo các nội dung quy định tại Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng đối với các nội dung không trái với quy định tại Nghị định này.

4. Các dự án đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển có hiệu lực thi hành khi điều chỉnh dự án đầu tư phải đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí chung quy định tại khoản 2 Điều 16 và các tiêu chí tương ứng với loại hình dự án quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 3 Điều 18 và các khoản 1, 2 Điều 20 Nghị định này.

### **Điều 32. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2021.

2. Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu công nghệ cao hết hiệu lực kể từ khi Nghị định này có hiệu lực.

### **Điều 33. Tổ chức thực hiện và Hiệu lực thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Trưởng Ban quản lý khu công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ....

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**